

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG MẦM NON 28

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH-NĂM 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG MẦM NON 28

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Tô Thanh Thủy	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Phạm Thị Tuyết Mai	Văn thư	Thư ký hội đồng	
4	Nguyễn Ngọc Giàu	Tổ trưởng tổ chuyên môn khối Mầm-Chồi (3-4 tuổi; 4-5 tuổi); Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên hội đồng	
5	Huỳnh Ngọc Duyên	Tổ trưởng tổ chuyên môn khối Lá (5-6 tuổi)	Ủy viên hội đồng	
6	Huỳnh Thị Thanh Thảo	Kế toán; Tổ trưởng tổ văn phòng	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Diệu Thu	Giáo viên; Bí thư Chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
8	Phan Ngọc Ngân Bình	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
9	Trần Thị Thùy Dương	Giáo viên; Ban Thanh tra Nhân dân	Ủy viên hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH-NĂM 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	13
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	21
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	25
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	27
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	29
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	31
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	33
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	36
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	40
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	45

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	47
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	48
Mở đầu	48
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn.	48
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.	51
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị.	53
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn.	56
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.	58
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	61
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	63
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	64
Mở đầu	64
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.	64
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	66
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	69
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	69
Mở đầu	69
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.	69
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	72
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.	74
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục.	77
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	80
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	81
Phần IV. PHỤ LỤC	82

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2		x		
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x		
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x		
Tiêu chí 1.8		x		
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x		
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x		
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x		

Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x		
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x		
Tiêu chí 5.4		x		

Kết quả: Đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non 28.

Tên trước đây (nếu có): Trường Nhà trẻ và Mẫu giáo Phường 28.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh
Huyện/ quận/ thị xã/ thành phố	Quận Bình Thạnh
Xã/ phường/ thị trấn	Phường 28
Đạt CQG	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1988
Công lập	X
Tư thực	Không
Dân lập	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên hiệu trưởng	Tô Thanh Thủy
Điện thoại	(028) 35.566.213
Fax	Không
Website	www.mn28binhthanh.hcm.edu
Số điểm trường	2 điểm (01 điểm chính và 01 điểm phụ)
Loại hình khác	Không
Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	01	0	0	0	0
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	01	01	01	01	01
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	01	01	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	01	02	02	02	02
Cộng	04	04	05	05	05

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	04	04	05	05	05	
1	Phòng kiên cố	04	04	05	05	05	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

II	Khối phòng phục vụ học tập	0	0	01	01	01	
1	Phòng kiên cố	0	0	01	01	01	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	01	01	01	01	01	
1	Phòng kiên cố	01	01	01	01	01	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	0	0	0	0	0	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	02	02	02	
	Cộng	05	05	09	09	09	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 02 năm 2022.

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	Kinh	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	01	01	Kinh	0	0	01	

Giáo viên	09	09	Kinh	04	01	04	04 GV đang học nâng chuẩn Đại học
Nhân viên	07	05	Kinh	02	04	01	
Cộng	18	16	Kinh	06	05	07	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Tổng số giáo viên	08	08	10	10	10
2	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	0	0	0	0	0
3	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	170/08 = 21,3	157/08 = 19,6	165/10 = 16,5	148/10 = 14,8	128/10 = 12,8
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	01	01	02	02
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Tổng số trẻ em	170	157	165	148	128
	- Nữ	71	79	87	87	87
	- Dân tộc thiểu số	01 (Khmer)	0	01 (Chăm)	0	0
2	Đối tượng chính sách	0	08	04	01	03
3	Khuyết tật	0	0	0	0	0
4	Tuyển mới	30	20	103	70	60
5	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0
6	Bán trú	170	157	165	148	128
7	Tỷ lệ trẻ em/lớp	140/03 = 46,7	157/04 = 39,3	165/05 = 33	148/05 = 29,6	128/05 = 25,6
8	Tỷ lệ trẻ em/nhóm	30/01 = 30	0	0	0	0
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	30	0	0	0	0
	- Trẻ em từ	34	35	37	28	28

	3-4 tuổi					
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	56	47	67	53	43
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	50	75	61	67	57
	Học 1 buổi/ ngày	0	0	0	0	0

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non 28 quận Bình Thạnh thuộc trường hạng II được thành lập theo Quyết định số 798/QĐ-UB ngày 28/12/1988. Trường được sáp nhập từ Nhà trẻ và Mẫu giáo Phường 28, lấy tên thành Trường Mầm non 28 với 02 điểm trường. Tổng diện tích đất sử dụng là 1192,9m², diện tích sàn xây dựng là 507,93m² với 05 lớp mẫu giáo và tổng số trẻ là 85 trẻ, cụ thể:

- Điểm 1: Số 982 Bis Bình Quới, Phường 28, quận Bình Thạnh với 05 lớp học. Tổng diện tích đất sử dụng là 632,2m² (trong đó: Diện tích sàn xây dựng là 393,46m²; sân chơi là 181,84m²; hiên phía sau trường là 56,9m²).

- Điểm 2: Số 55/6B Bình Quới, Phường 28, quận Bình Thạnh với 01 lớp học. Tổng diện tích đất sử dụng là 560,7m² (trong đó: Diện tích sàn xây dựng là 114,47m²; sân chơi là 446,23m²).

Cơ sở vật chất trường đáp ứng phù hợp cho công tác chăm sóc và giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non. Từ năm học 2016-2017 đến nay, trường được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, nhân dân Phường 28 quận Bình Thạnh. Đặc biệt, sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, sự gắn kết giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh, chính vì vậy, nhiều năm liền trường được công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”; Tổ chức Công đoàn đạt “Vững mạnh xuất sắc”, Đoàn Thanh niên đạt “Vững mạnh xuất sắc”, Chi bộ đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên. Năm học 2018-2019, trường vinh dự nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố. Năm 2018, trường nhận giấy khen Chi bộ đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ số lượng, vị trí việc làm phù hợp theo Điều lệ trường mầm non, lập trường tư tưởng vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao, ý thức nghề nghiệp, đạo đức tốt. Cán bộ quản lý có trình độ, năng

lực, quản lý tốt mọi hoạt động trong nhà trường. Đội ngũ giáo viên đạt trình độ chuẩn quy định, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng trẻ đạt hiệu quả theo mục tiêu Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Mục đích tự đánh giá

Trường Mầm non 28 quận Bình Thạnh tự xem xét, kiểm tra, dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan và đánh giá trung thực, công khai, minh bạch nhằm xác định mức độ, đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn.

Qua việc tự đánh giá sẽ giúp cho tập thể nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu, nhằm cải tiến và hoàn thiện chất lượng giáo dục, làm căn cứ để giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nhà trường để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Căn cứ vào sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh về việc hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục, Trường Mầm non 28 quận Bình Thạnh tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non như sau:

- Ngày 01 tháng 9 năm 2021: Họp Hội đồng sư phạm tập huấn (trực tuyến) và triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non cho đội ngũ. Thành lập Hội đồng tự đánh giá và phân công nhiệm vụ từng thành viên.

- Ngày 01 tháng 10 năm 2021: Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

- Ngày 15 tháng 11 năm 2021: Thảo luận và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

- Ngày 15 tháng 12 năm 2021: Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá.

- Ngày 30 tháng 01 năm 2022: Công bố báo cáo tự đánh giá, lấy ý kiến đóng góp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá sau khi có các ý kiến góp ý.

- Ngày 18 tháng 02 năm 2022: Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non 28 quận Bình Thạnh có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, thực hiện công tác quản lý chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt. Nhà trường có xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động, thành lập các hội đồng theo quy định như: Hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng và các hội đồng khác; làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Hội đồng thi đua nhà trường chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phát động thực hiện các đợt thi đua do ngành, địa phương, đơn vị tổ chức. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên. Thường xuyên tổ chức các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi cho trẻ phù hợp với điều kiện của nhà trường, địa phương.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường Mầm non 28 thực hiện xây dựng chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2020-2025 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách. Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục của trường là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8, khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; giúp nhà trường định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; là cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch chỉ đạo của Hội đồng trường và hoạt động của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong suốt quá trình xây dựng và phát triển giáo dục giai đoạn 2020-2025 [H1-1.1-01].

b) Phương hướng, chiến lược phát triển giáo dục được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Phương hướng chiến lược phát triển giáo dục được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, được công khai tại bản công khai của đơn vị và đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường [H1-1.1-01].

Mức 2:

Trường có đề ra giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, tuy nhiên việc tổ chức thực hiện chưa được

thường xuyên và kịp thời (01 lần/cuối năm học); các nội dung thực hiện đôi khi còn trùng lặp [H1-1.1-01].

Mức 3:

Trường có tổ chức rà soát các nội dung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển với sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhưng chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng [H1-1.1-01].

2. Điểm mạnh

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giáo dục của nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt và thực hiện công khai theo quy định.

3. Điểm yếu

Công tác tổ chức giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được thường xuyên, kịp thời (01 lần/cuối năm học); các nội dung thực hiện đôi khi còn trùng lặp và chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, hiệu trưởng tiếp tục trình phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giáo dục của nhà trường cho Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt và thực hiện công khai theo quy định. Hiệu trưởng thường xuyên tổ chức giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường định kỳ 03 lần/01 năm học, qua đó đánh giá mức độ thực hiện, đồng thời ghi nhận các giải pháp đề xuất phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Tăng cường phối hợp với cha mẹ trẻ và cộng đồng thông qua các buổi họp do trường và địa phương tổ chức; mời cha mẹ trẻ cùng tham gia giám sát, đóng góp ý kiến hoặc đề xuất các giải pháp góp phần cùng nhà trường thực hiện có hiệu quả phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 28 quận Bình Thạnh có cơ cấu tổ chức bộ máy và thành lập các hội đồng theo Điều lệ trường mầm non: Hội đồng trường do Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh ra quyết định thành lập với nhiệm kỳ 05 năm [H1-1.2-01]; Hội đồng thi đua khen thưởng do hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học [H1-1.2-02]; Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm do Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh chuẩn y theo đề nghị của hiệu trưởng [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường do hiệu trưởng ra quyết định thành lập [H1-1.2-04].

b) Các hội đồng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 18, Điều 19 của Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) như: Hội đồng trường làm việc theo phương thức thảo luận, thông qua nghị quyết tập thể tại các cuộc họp Hội đồng trường để đưa ra các quyết định trong phạm vi các nhiệm vụ đã được quy định và tổ chức họp thường kỳ 02 lần/năm [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng do Hiệu trưởng thành lập và xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo từng học kỳ, năm học [H1-1.2-02]. Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm có nhiệm vụ giúp hiệu trưởng đánh giá phát hiện các sáng kiến cải tiến, có giá trị, thiết thực để ứng dụng vào việc đổi mới phương

pháp quản lý, chăm sóc giáo dục trẻ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.2-03]. Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường dự giờ các hoạt động được quy định theo Chương trình giáo dục mầm non nhằm khuyến khích động viên giáo viên học hỏi, trao đổi, truyền đạt, phổ biến kinh nghiệm giảng dạy và sử dụng đồ dùng dạy học [H1-1.2-04].

c) Hoạt động của các hội đồng được nhà trường định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá kết quả thực hiện thông qua các cuộc họp, cụ thể: Hội đồng trường họp ít nhất 02 lần/năm học; Hội đồng nhà trường họp 01 lần/tháng; Hội đồng thi đua khen thưởng họp vào cuối học kỳ và cuối năm học; Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm họp 01 lần/năm học; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường họp 01 lần/năm học [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

Mức 2:

Hàng năm, Hội đồng trường thông qua kết quả đánh giá thi đua, khen thưởng, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, thi giáo viên giỏi sẽ đóng góp ý kiến, chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường. Hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ em trong nhà trường. Tuy nhiên, hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động chưa đạt hiệu quả cao do việc xây dựng kế hoạch còn bị trùng lặp, có tổ chức thực hiện đánh giá kết quả nhưng chưa đề ra những giải pháp cụ thể góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường mầm non và thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

3. Điểm yếu

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động chưa đạt hiệu quả cao do việc xây dựng kế hoạch còn bị trùng lặp, có tổ chức thực hiện đánh giá kết quả

nhưng chưa đề ra những giải pháp cụ thể góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì thành lập các hội đồng và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định Điều lệ trường mầm non. Chủ tịch hội đồng trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hiệu trưởng thường xuyên tổ chức đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học nhằm chủ động điều chỉnh xây dựng công tác cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân phụ trách. Phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn kịp thời giám sát các hoạt động để tham mưu, đề xuất giải pháp cụ thể phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị về cơ sở vật chất và con người góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tổ chức Công đoàn gồm 18 công đoàn viên, hoạt động theo sự chỉ đạo của Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh [H1-1.3-01]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 2016 và hiện nay có 07 đoàn viên trực thuộc Đoàn Phường 28 quận Bình Thạnh [H1-1.3-02]; Chi hội Khuyến học gồm 18 hội viên trực thuộc chỉ đạo của Hội Khuyến học Phường 28 [H1-1.3-03]; Chi hội Chữ thập đỏ gồm 18 hội viên và hoạt động theo sự chỉ đạo của Hội Chữ thập đỏ quận Bình Thạnh [H1-1.3-04].

b) Công đoàn, Chi đoàn và các tổ chức trong nhà trường hoạt động theo quy định pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức góp phần giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục đạt hiệu quả và thường xuyên tham gia các hoạt động tương thân tương ái, đóng góp hỗ trợ các trường hợp khó khăn, bệnh nan y hoặc tình nguyện hiến máu nhân đạo do ngành và địa phương phát động [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

c) Đoàn thể và các tổ chức trong nhà trường thường xuyên tiến hành kiểm tra, rà soát, đánh giá và đề ra các giải pháp thực hiện các hoạt động, cụ thể: Công đoàn, Chi đoàn họp 01 tháng/01 lần; Chi hội Khuyến học và Chi hội Chữ thập đỏ họp 02 lần/năm học. Tuy nhiên, nhân sự Ban Chấp hành Công đoàn và Chi đoàn mới đảm nhiệm công tác được 01 năm nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức, điều hành các hoạt động [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Chi bộ Mầm non 28 được thành lập từ tháng 10/2013 có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định. Hiện nay, Chi bộ có 07 đảng viên sinh hoạt (02 đảng viên là cán bộ quản lý; 04 đảng viên là giáo viên và 01 đảng viên là nhân viên), chiếm tỷ 38,89% (07/18 cán bộ, công chức, viên chức và người lao động). Đồng chí Bí thư Chi bộ là hiệu trưởng nên rất thuận tiện trong công tác lãnh đạo và

tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà trường. Từ năm 2014 đến năm 2021, Chi bộ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Năm 2018, Chi bộ đạt thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-05].

b) Đoàn thể và các tổ chức trong trường luôn tích cực tham gia các hoạt động của đơn vị và cộng đồng như: Vận động cán bộ, giáo viên, nhân viên là đoàn viên, hội viên hỗ trợ người dân miền Trung khắc phục hậu quả thiên tai do cấp trên phát động 03 đợt với tổng số tiền 7.637.000 đồng; tham gia chương trình hiến máu tình nguyện; phát động phong trào “Nuôi heo đất” qua đó chăm lo cho giáo viên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại trường và địa phương; công nhân-viên chức-lao động bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn lao động; đóng góp vải áo dài, các đồ dùng gia dụng cho công nhân-viên chức-lao động có hoàn cảnh khó khăn do Liên đoàn Lao động Quận và Hội Khuyến học Phường 28 phát động [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 3:

a) Từ năm 2014 đến năm 2021, Chi bộ liên tục đạt thành tích phần đấu “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Năm 2018, Chi bộ nhận giấy khen đạt thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-05].

b) Đoàn thể và các tổ chức trong nhà trường đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của đơn vị và cộng đồng đạt nhiều thành tích được các cấp lãnh đạo khen tặng [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức hoạt động theo quy định pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức, hoạt động thường xuyên góp phần giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Nhân sự Ban Chấp hành Công đoàn và Chi đoàn mới đảm nhiệm công tác được 02 năm do đó chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức, điều hành các hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục quan tâm, bồi dưỡng, giúp đỡ và tạo điều kiện cho Ban Chấp hành Công đoàn, Chi đoàn thực hiện tốt nhiệm vụ. Thành viên Ban Chấp hành Công đoàn, Chi đoàn tích cực tham khảo tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về công tác Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và tự giác học tập kinh nghiệm đồng nghiệp để nâng cao năng lực thực hiện có hiệu quả chức trách nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường Mầm non 28 quận Bình Thạnh là trường hạng II với 05 lớp học. Đội ngũ cán bộ quản lý gồm 01 hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng theo quy định Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc

làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và Đề án vị trí việc làm được Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh phê duyệt [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

b) Trường có 04 tổ chuyên môn gồm: Tổ chuyên môn 3-4 tuổi và 4-5 tuổi (06 giáo viên); tổ chuyên môn 5-6 tuổi (03 giáo viên); tổ nấu ăn (03 nhân viên) và 01 tổ văn phòng (04 nhân viên). Mỗi tổ chuyên môn có tổ trưởng được phân công quản lý thực hiện các chỉ đạo chuyên môn tại tổ theo quyết định của hiệu trưởng. Do số thành viên của từng tổ chuyên môn và tổ văn phòng ít nên không có tổ phó phụ trách [H1-1.4-03]; [H1-1.4-05].

c) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng, tuần; nhằm thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Hằng năm, các thành viên của tổ tham gia đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng; thực hiện họp sinh hoạt định kỳ 02 lần/tháng nhằm bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên [H1-1.2-02]; [H1-1.4-05]. Tuy nhiên, nội dung sinh hoạt của các tổ chưa đa dạng, phong phú.

Mức 2:

a) Hằng năm, các tổ chuyên môn chưa đề xuất thực hiện được chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Tổ chuyên môn chỉ thực hiện chuyên đề theo sự phân công của trường [H1-1.2-05]; [H1-1.4-05].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có tiến hành rà soát, điều chỉnh thông qua các buổi họp theo quy định nhưng hiệu quả chưa cao trong việc đề ra các giải pháp phù hợp giúp tổ viên nâng cao chuyên môn và nhiệm vụ công tác được giao [H1-1.4-05].

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng chưa có nhiều đề xuất, giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-05].

b) Tổ chuyên môn luôn tích cực thực hiện các chuyên đề chuyên môn được giao theo kế hoạch của nhà trường trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ nhưng hiệu quả chưa cao [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định Điều lệ trường mầm non. Các tổ chuyên môn có xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng, tuần. Các thành viên tham gia sinh hoạt tổ đúng quy định 02 lần/tháng.

3. Điểm yếu

Nội dung sinh hoạt chuyên môn của các tổ chưa đa dạng, phong phú. Tổ chuyên môn chỉ thực hiện chuyên đề theo sự phân công của trường và chưa có nhiều đề xuất, giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng các hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức theo quy định, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoàn thành tốt công tác được giao. Cán bộ quản lý thường xuyên tham dự các buổi họp sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng và hướng dẫn tổ chọn lọc, sưu tầm nội dung chủ đề sát với thực tế và đa dạng để thu hút trẻ tích cực tham gia các hoạt động. Động viên, khuyến khích tổ chuyên môn mạnh dạn đề xuất với cán bộ quản lý tổ chức lại các chuyên đề còn hạn chế hoặc đăng ký thực hiện chuyên đề trọng tâm trong năm học góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy

định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 02 điểm với 05 lớp mẫu giáo, tổng số học sinh là 93 trẻ được phân chia các lớp theo đúng độ tuổi [H1-1.5-01], cụ thể:

+ Lớp mẫu giáo 3 tuổi đến 4 tuổi (1 lớp): 21 trẻ.

+ Lớp mẫu giáo 4 tuổi đến 5 tuổi (2 lớp): 33 trẻ.

+ Lớp mẫu giáo 5 tuổi đến 6 tuổi (2 lớp): 39 trẻ.

b) 100% trẻ được học bán trú tại trường [H1-1.5-02].

c) Trong các năm học, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên sĩ số học sinh các lớp không vượt quá theo quy định Điều lệ trường Mầm non [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Nhà trường có 05 lớp mẫu giáo, không vượt quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Trẻ được phân chia theo độ tuổi và 100% trẻ được học bán trú tại trường.

3. Điểm yếu

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên công tác tuyển sinh chưa đạt theo kế hoạch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tuyển sinh, phân chia trẻ đúng độ tuổi theo quy định Điều lệ trường mầm non.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của trường được lưu trữ theo quy định. Hiệu trưởng thực hiện phân công giao nhiệm vụ cá nhân và bộ phận phụ trách, cụ thể: Hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.4-04]; Hồ sơ quản lý chuyên môn [H1-1.4-05]; Hồ sơ quản lý trẻ [H1-1.5-01]; Hồ sơ lưu trữ công văn đi, công văn đến [H1-1.6-01]; Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-02]; Hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-03].

Trường không có nhân viên văn thư, công tác văn thư do nhân viên bảo vệ kiêm nhiệm nên gặp khó khăn trong việc lưu trữ, sắp xếp hồ sơ.

b) Nhằm đảm bảo cân đối kinh phí hoạt động, đầu năm học hiệu trưởng chỉ đạo kế toán lập dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước giao; các khoản thu sự nghiệp trình Ủy ban nhân dân và Phòng Tài chính-Kế hoạch quận Bình Thạnh phê duyệt. Thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản về Phòng Tài chính-Kế hoạch, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh theo chế độ kế toán tài chính Nhà nước. Công tác kiểm kê tài sản được thực hiện vào đầu, giữa và cuối năm học. Cuối năm học, kế toán tổng hợp tài sản trong toàn trường, báo cáo về Phòng Tài chính-Kế hoạch quận Bình Thạnh. Nhà trường thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính, tài sản và công khai cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ biết và tham gia giám sát, kiểm tra theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]. Quy chế chi tiêu nội bộ được nhà trường phối hợp với Công đoàn cơ sở thường xuyên rà soát, điều chỉnh với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-04].

c) Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Thực hiện thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, báo cáo kiểm kê đúng thời gian quy định [H1-1.6-02]. Định kỳ 03 lần/năm học, nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản các lớp, bộ phận và ghi nhận vào sổ quản lý tài sản. Hằng năm, trường có xây dựng kế hoạch tăng cường quản lý mua sắm tài sản, bảo quản cơ sở vật chất, trang bị, bổ sung các đồ dùng đồ chơi theo quy định [[H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, bộ phận văn phòng thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: Cổng thông tin điện tử; phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức; phần mềm cơ sở dữ liệu; phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp; mạng nội bộ; phần mềm tính khẩu phần dinh dưỡng và phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục... [H1-1.2-05]; [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.2-05].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường có lập dự toán để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Tuy nhiên, công tác tham mưu xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn còn hạn chế [H1-1.2-05]; [H1-1.4-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định.

3. Điểm yếu

Việc xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn tại đơn vị còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định hiệu trưởng chỉ đạo kế toán tham mưu kịp thời và có hiệu quả các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn về công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Đồng thời, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, lập danh sách cử nhân viên văn thư tham gia lớp học về văn thư lưu trữ và xét tuyển viên chức.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên để nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ hỗ trợ cho công chức, viên chức, người lao động tại đơn vị được hưởng chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng theo quy định [H1-1.6-04]; tạo mọi điều kiện cho giáo viên, nhân viên được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, chính trị hệ do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh tổ chức [H1-1.7-01].

b) Đầu năm học, nhà trường phân công, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý phù hợp với vị trí việc làm và trình độ chuyên môn, năng lực từng cá nhân nhằm đảm bảo hiệu quả công việc trong các hoạt động được quy định tại Điều 36, Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-02].

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên được bảo đảm các quyền theo quy định tại Điều 37, Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Nhà trường luôn thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tham gia các lớp học nâng chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách và được bảo vệ nhân phẩm, danh dự [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-04]; [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

Mức 2:

Thông qua kế hoạch kiểm tra, dự giờ và thực tế các hoạt động, cán bộ quản lý tổ chức rút kinh nghiệm, đánh giá và đưa ra biện pháp bồi dưỡng, giúp đỡ giáo viên, nhân viên nhằm phát huy năng lực của từng cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, 02 giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác nên khả năng sáng tạo, xây dựng và nâng

cao chất lượng giáo dục còn hạn chế, chiếm tỷ lệ 10,53% (02/19 cán bộ, giáo viên, nhân viên) [H1-1.2-05]; [H1-1.7-03].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, phân công sử dụng hợp lý, đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

Trường có 02 giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác nên khả năng sáng tạo, xây dựng và nâng cao chất lượng giáo dục còn hạn chế, chiếm tỷ lệ 11,11% (02/18 cán bộ, giáo viên, nhân viên).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, hiệu trưởng tiếp tục phối hợp với đoàn thể xây dựng kế hoạch, quy chế chi tiêu nội bộ nhằm động viên đội ngũ tham gia các lớp bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Thực hiện đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định hiện hành. Thường xuyên tổ chức cho giáo viên dự giờ học tập kinh nghiệm đồng nghiệp và học tập các chuyên đề do quận tổ chức nhằm bồi dưỡng, giúp đỡ giáo viên nâng cao kinh nghiệm chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường xây dựng kế hoạch giáo dục căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; đảm bảo phù hợp tình hình thực tế của địa phương và nhà trường [H1-1.2-05]; [H1-1.4-04]; [H1-1.7-03]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục năm, tháng, tuần cụ thể theo từng độ tuổi; triển khai giáo viên thực hiện đầy đủ nội dung kế hoạch giáo dục trong việc tổ chức hoạt động theo chế độ sinh hoạt của trẻ, đảm bảo các mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non theo từng lứa tuổi [H1-1.4-04]; [H1-1.8-01].

c) Kế hoạch giáo dục của nhà trường và giáo viên thường xuyên được cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn tiến hành rà soát, đánh giá từng tháng theo từng lĩnh vực và được điều chỉnh phù hợp với khả năng của trẻ [H1-1.4-04]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-03].

Mức 2:

Hằng tháng, nhà trường thường xuyên tổ chức rà soát, đánh giá và tiếp tục đề ra các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá hiệu quả hằng năm [H1-1.2-05]; [H1-1.7-03]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]. Tuy nhiên, công tác thực hiện chưa đạt hiệu quả cao do thời gian kiểm tra của cán bộ quản lý đối với giáo viên và nhân viên đôi lúc chưa đúng theo kế hoạch kiểm tra nội bộ.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục đã được xây dựng theo Chương trình giáo dục mầm non và được thực hiện đầy đủ các hoạt động, chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ. Trường có tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh phù hợp với khả năng của trẻ.

3. Điểm yếu

Công tác quản lý giáo dục thực hiện chưa đạt hiệu quả cao do thời gian kiểm tra đối với giáo viên và nhân viên chưa theo kế hoạch đã triển khai.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo bộ phận chuyên môn triển khai đến giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non quy định. Phân đầu duy trì có hiệu quả các nội dung đạt được theo góp ý của cơ quan quản lý và xây dựng kế hoạch làm việc tuần sát với lịch kiểm tra của trường, tránh bị động về thời gian.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được phát huy dân chủ trong việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.6-04]; [H1-1.9-01].

b) Trường không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ. Tuy nhiên, nhà trường cũng nhận được ý kiến đóng góp, trao đổi của cha mẹ trẻ về cách ứng xử giao tiếp của giáo viên chưa khéo léo. Trường đã tổ chức rút kinh nghiệm trong các buổi họp như: Sinh hoạt chuyên môn tổ, hội đồng nhà trường, thống nhất đưa vào tiêu chí đánh giá thi đua hằng năm của đơn vị... Bên cạnh đó, nhà trường thường xuyên quan tâm, theo dõi và phân

công tổ trưởng giúp đỡ giáo viên khắc phục nội dung đã được cha mẹ trẻ góp ý [H1-1.2-05]; [H1-1.6-04]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường có báo cáo tổng kết thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Định kỳ hằng tháng, trường tổ chức họp hội đồng nhà trường để tiến hành đánh giá, triển khai công tác, lắng nghe và tiếp thu ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên về tổ chức hoạt động giáo dục, chế độ chính sách... nhằm có hướng điều chỉnh kịp thời những nội dung góp ý, hạn chế phù hợp với tình hình thực tiễn [H1-1.2-05]; [H1-1.6-04]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

Mức 2:

Mỗi năm học, Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động theo kế hoạch đề ra nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy chế; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá hoạt động của Ban chỉ đạo, đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả về các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tuy nhiên, Ban thanh tra nhân dân chưa có nhiều kinh nghiệm nên việc đẩy mạnh, đổi mới phương thức hoạt động giám sát của các thành viên còn hạn chế [H1-1.3-01]; [H1-1.6-04]; [H1-1.9-01].

2. Điểm mạnh

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nêu cao ý thức tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong việc xây dựng Quy chế dân chủ. Lập kế hoạch cụ thể có đánh giá sơ kết, tổng kết về việc thực hiện.

3. Điểm yếu

Ban thanh tra nhân dân chưa có nhiều kinh nghiệm nên việc đẩy mạnh, đổi mới phương thức hoạt động giám sát của các thành viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, hiệu trưởng tiếp tục đẩy mạnh việc chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ trong trường học đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên. Thực hiện công khai chất lượng giáo dục, tài chính theo quy định. Tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động tạo cơ hội cho đội ngũ phát huy dân chủ trong việc đóng góp ý kiến xây dựng đơn vị. Cán bộ quản lý và trưởng các bộ phận trong nhà trường phát huy tốt vai trò nêu gương của người đứng đầu, gương mẫu

trong công tác. Hiệu trưởng và Ban chấp hành Công đoàn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Thanh tra nhân dân tham gia các lớp học tập bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao năng lực công tác, phát huy tốt vai trò giám sát được giao.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

a) Hằng năm, nhà trường có xây dựng các kế hoạch, phương án thực hiện nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học như: Phối hợp cùng Công an Phường 28, quận Bình Thạnh xây dựng “Quy chế thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm

pháp luật khác (giai đoạn 2016-2021)” [H1-1.9-03]. Công tác an toàn phòng, chống tai nạn thương tích nhiều năm liền trường được công nhận “Trường học đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích”; công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội và bạo lực học đường luôn được nhà trường kiểm tra thường xuyên; Hồ sơ trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa [H1-1.9-04]. Trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ và được cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm. Trường đã đón Ban quản lý an toàn thực phẩm thành phố kiểm tra được đánh giá tốt [H1-1.10-01]. Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-04].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng qua số điện thoại của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và lịch tiếp dân được niêm yết trước cửa văn phòng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân và cha mẹ trẻ. Thực hiện phân công ca trực bảo vệ 24/24 giờ. Trường thường xuyên phối hợp, thông tin với chính quyền địa phương, Công an và Ban Chỉ huy Quân sự Phường 28 phối hợp hỗ trợ công tác an ninh trật tự đảm bảo cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ được làm việc, học tập trong môi trường an toàn tuyệt đối [H1-1.2-05]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn tôn trọng lẫn nhau, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.2-01]; [H1-1.2-05]; [H1-1.6-04].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức phổ biến, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04]; [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp

ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Tuy nhiên, trường có khoảng 05/93 cha mẹ trẻ, tỷ lệ 5,78% chưa tự giác di chuyển xe vào khu vực để xe trong giờ đón trả trẻ, còn hay để xe dưới lòng đường gây cản trở giao thông và chờ nhân viên bảo vệ hướng dẫn mới thực hiện đúng quy định [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới xảy ra trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Khoảng 05/93 cha mẹ trẻ, tỷ lệ 5,78% chưa tự giác di chuyển xe vào khu vực để xe trong giờ đón trả trẻ, còn hay để xe dưới lòng đường gây cản trở giao thông và chờ nhân viên bảo vệ hướng dẫn mới thực hiện đúng quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các bộ phận duy trì thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; bếp ăn đảm bảo an toàn thực phẩm; an toàn tuyệt đối cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng tham mưu với Ban đại diện cha mẹ trẻ tích cực tuyên truyền công tác đảm bảo an ninh trật tự đến cha mẹ trẻ của lớp thông qua các buổi họp, bản tin trường lớp; chỉ đạo nhân viên bảo vệ yêu cầu phụ huynh để xe đúng nơi quy định khi vào trường, tránh gây cản trở giao thông trong giờ đón trả trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có thành lập hội đồng trường và các tổ chuyên môn theo quy định của Điều lệ trường mầm non và thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nêu cao ý thức tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong việc xây dựng Quy chế dân chủ. Nhà trường đã xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới xảy ra trong nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Công tác tổ chức giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được thường xuyên, kịp thời (01 lần/cuối năm học); các nội dung thực hiện đôi khi còn trùng lặp và chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng.

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động chưa đạt hiệu quả cao do việc xây dựng kế hoạch còn bị trùng lặp, có tổ chức thực hiện đánh giá kết quả nhưng chưa đề ra những giải pháp cụ thể góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Nội dung sinh hoạt chuyên môn của các tổ chưa đa dạng, phong phú. Tổ chuyên môn chỉ thực hiện chuyên đề theo sự phân công của trường và chưa có nhiều đề xuất, giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng các hoạt động.

Việc xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn tại đơn vị còn hạn chế.

Trường có 02 giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác nên khả năng sáng tạo, xây dựng và nâng cao chất lượng giáo dục còn hạn chế, chiếm tỷ lệ 11,11% (02/18 cán bộ, giáo viên, nhân viên).

Ban thanh tra nhân dân chưa có nhiều kinh nghiệm nên việc đẩy mạnh, đổi mới phương thức hoạt động giám sát của các thành viên còn hạn chế.

Khoảng 05/93 cha mẹ trẻ, tỷ lệ 5,78% chưa tự giác di chuyển xe vào khu vực để xe trong giờ đón trả trẻ, còn hay để xe dưới lòng đường gây cản trở giao thông và chờ nhân viên bảo vệ hướng dẫn mới thực hiện đúng quy định.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là yếu tố quyết định sự phát triển của nhà trường. Đó phải là đội ngũ đạt chuẩn về đào tạo, có đầy đủ phẩm chất năng lực cần thiết và không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu của công việc. Chính vì vậy, nhà trường luôn tập trung công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên để có đủ năng lực nuôi dạy trẻ. Với những nỗ lực trong nhiều năm qua, Trường Mầm non 28 đã từng bước có những đổi mới trong công tác đáp ứng tốt những yêu cầu mục tiêu giáo dục của nhà trường nói riêng và của ngành nói chung.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đạt chuẩn theo quy định, cụ thể: Hiệu trưởng có thời gian công tác 20 năm liên tục trong ngành giáo dục mầm non, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, cụ thể: Đại học sư phạm mầm non, cử nhân quản lý giáo dục, lớp bồi dưỡng Hiệu trưởng mầm non, lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, lớp nghiệp vụ đầu thầu cơ bản, trung cấp lý luận chính trị-hành chính. **Phó hiệu trưởng có**

thời gian công tác 24 năm liên tục trong ngành giáo dục mầm non, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, cụ thể: Đại học sư phạm mầm non, cử nhân quản lý giáo dục, lớp bồi dưỡng Hiệu trưởng mầm non, trung cấp lý luận chính trị-hành chính. Tuy nhiên, trường có 01 cán bộ quản lý mới được bổ nhiệm từ tháng 01/2021 nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19, giãn cách xã hội nên chưa có nhiều kinh nghiệm nên công tác quản lý còn gặp nhiều khó khăn [H1-1.4-04].

b) Cuối mỗi năm học, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng thực hiện việc đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định và được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên và có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và được tập thể tín nhiệm [H2-2.1-01], cụ thể:

+ Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng (Thông tư số 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo):

Năm học	Chức vụ cán bộ quản lý	Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng				Ghi chú
		Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém	
2016-2017	Hiệu trưởng		01			Trường có 03 cán bộ quản lý
	Phó hiệu trưởng		02			
2017-2018	Hiệu trưởng	01				Trường có 02 cán bộ quản lý
	Phó hiệu trưởng	01				

+ Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng (Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo):

Năm học	Chức vụ cán bộ quản lý	Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng (tự đánh giá)				Ghi chú
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa	

					đạt	
2018-2019	Hiệu trưởng		01			
	Phó hiệu trưởng		01			
2019-2020	Hiệu trưởng		01			
	Phó hiệu trưởng		01			
2020-2021	Hiệu trưởng		01			
	Phó hiệu trưởng		01			

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục mầm non ngoài công lập, phần mềm cơ sở dữ liệu, công thông tin điện tử, mạng nội bộ, phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục... [H1-1.2-05]; [H1-1.4-04]; [H1-1.7-01]; [H2-2.1-01].

Mức 2:

a) Trong 05 năm cán bộ quản lý được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng từ mức khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H1-1.4-04]; [H1-1.7-01]; [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đạt chuẩn ở mức khá trở lên, trong đó hiệu trưởng đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng công tác liên tục trong ngành nhiều năm; đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trên chuẩn; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và được tập thể tín nhiệm.

3. Điểm yếu

Trường có 01 cán bộ quản lý mới được bổ nhiệm từ tháng 01/2021 nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19, giãn cách xã hội nên chưa có nhiều kinh nghiệm nên công tác quản lý còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tích cực phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu trong các hoạt động; giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn nghiệp vụ. Phó hiệu trưởng tích cực học hỏi kinh nghiệm đồng nghiệp, tham khảo thêm tài liệu giáo dục nhằm nâng cao năng lực quản lý các hoạt động trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó*

khả năng có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có số lượng giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

b) 09/09 giáo viên, tỷ lệ 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-04]; [H2-2.2-01], cụ thể:

Năm học	Số lượng giáo viên	Tỷ lệ % đạt chuẩn trình độ đào tạo
2016-2017	08	08/08, đạt 100%
2017-2018	08	08/08, đạt 100%
2018-2019	10	10/10, đạt 100%
2019-2020	10	10/10, đạt 100% (05/05 GV trình độ Trung cấp và đang học nâng chuẩn Đại học)
2020-2021	10	10/10, đạt 100% (02/02 GV trình độ Trung cấp và đang học nâng chuẩn Đại học)

c) Trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-06]; [H2-2.1-01]; [H2-2.2-01], cụ thể:

+ Kết quả đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (Thông tư số 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo):

Năm học	Số lượng giáo viên	Tỷ lệ % giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định			
		Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
2016-2017	08		07/08, đạt 87,5%	01/08, đạt 12,5%	
2017-2018	08	02/08, đạt 25%	06/08, đạt 75%		

+ Kết quả đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo):

Năm học	Số lượng giáo viên	Tỷ lệ % giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định (tự đánh giá)			
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
2018-2019 (tự đánh giá)	10		02/10, đạt 20%	08/10, đạt 80%	
2019-2020	10		06/10, đạt 60%	04/10, đạt 40%	
2020-2021	10		07/10, đạt 70%		03/10, đạt 30% (Do chưa đạt trình độ chuyên môn đào tạo theo quy định)

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tục và tính đến thời điểm tự đánh giá là tháng 10/2019, trường chưa đạt tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Năm học 2021-2022, trường có 04/09 giáo viên, tỷ lệ 44,44% tham gia học liên thông các lớp nâng chuẩn trình độ từ trung cấp lên đại học sư phạm mầm non [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.7-01]; [H2-2.2-01].

Năm học	Số lượng giáo viên	Tỷ lệ % đạt trên chuẩn trình độ đào tạo
2016-2017	08	04/08, đạt 50%
2017-2018	08	03/08, đạt 37,5%
2018-2019	10	04/10, đạt 40%
2019-2022	10	04/10, đạt 40%
2020-2021	10	04/10, đạt 40%

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên nhưng nhà trường đạt tỷ lệ 60% chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá theo quy định [H1-1.4-05]; [H2-2.2-01], cụ thể:

Năm học	Số giáo viên	Số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên	Tỷ lệ %
2016-2017	08	07	87,5%
2017-2018	08	08	100%
2018-2019 (tự đánh giá)	10	02	20%
2019-2020	10	06	60%
2020-2021	10	07	70%

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-05]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Trường đạt tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn đào tạo theo quy định là 65% [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H2-2.1-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, trường chưa đạt tỷ lệ 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và chưa đạt 30% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt theo quy định [H2-2.1-01].

Năm học	Số giáo viên	Số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt trở lên	Tỷ lệ %
2016-2017	08	0	0%
2017-2018	08	02	25%
2018-2019 (tự đánh giá)	10	0	0%
2019-2020	10	0	0%
2020-2021	10	0	0%

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng giáo viên theo quy định.

3. Điểm yếu

Trường chưa đạt tỷ lệ 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và 30% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, hiệu trưởng tiếp tục phân công đủ số giáo viên/lớp; tiếp tục tổ chức thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định; phấn đấu duy trì số lượng giáo viên được xếp loại từ khá trở lên, không có giáo viên xếp loại trung bình. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, hướng dẫn, giúp đỡ giáo viên nâng cao trình độ đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có nhân viên thực hiện các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công như: Nhân viên văn thư kiêm công tác y tế trường học; nhân viên nấu ăn, kế toán, bảo vệ. Nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ trong các hoạt động, nhà trường không bố trí giáo viên thực hiện kiêm nhiệm công tác thủ quỹ hoặc văn thư [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực thực tế của mỗi người, cụ thể: 01 kế toán có trình độ cao đẳng kế toán; 03 nhân viên nấu ăn có trình độ sơ cấp nấu ăn; 01 nhân viên văn thư có trình độ trung cấp; 02 nhân viên bảo vệ chưa qua các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ nhưng được tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy và an ninh trật tự, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo an toàn về an ninh trật tự trong nhà trường [H1-1.2-05]; [H1-1.4-03]; [H1-1.9-04]; [H1-1.10-02].

c) Đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao: Kế toán thực hiện tốt công tác tham mưu, lập dự toán và báo cáo quyết toán về tài chính, tài sản

theo quy định; nhân viên nấu ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện quy trình bếp một chiều; bảo vệ đảm bảo tốt công tác an toàn về an ninh trật tự, không để xảy ra thiệt hại về tài sản và hỗ trợ tốt công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh [H1-1.2-05]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H2-2.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Hiện nay, trường có 07 nhân viên gồm: 01 kế toán, 01 văn thư, 02 bảo vệ, 03 nhân viên nấu ăn (01 nhân viên kiêm công tác thủ quỹ) [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-02]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H2-2.3-01].

Mức 3:

a) 71,43% nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Kế toán có trình độ cao đẳng kế toán; 03 nấu ăn có trình độ sơ cấp nấu ăn; 01 văn thư có trình độ trung cấp văn thư lưu trữ [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.7-01]. Tuy nhiên, trường có 02 nhân viên bảo vệ chưa qua lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ. Nhân viên kế toán, văn thư chưa tham gia xét tuyển viên chức.

b) Trường thường xuyên tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí học tập, khuyến khích nhân viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm như: Nhân viên nấu ăn học lớp sơ cấp nấu ăn; nhân viên kế toán tham gia các lớp tập huấn về chế độ kế toán, hướng dẫn báo cáo quyết toán đối với đơn vị hành chính sự nghiệp; tập huấn thực hiện phần mềm IMAS và lớp nghiệp vụ đấu thầu cơ bản... [H1-1.2-05]; [H1-1.4-03]; [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

Nhân viên được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực thực tế của cá nhân và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Trường có 02 nhân viên bảo vệ chưa qua các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ. Nhân viên văn thư hợp đồng chưa tham gia xét tuyển viên chức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát động tốt phong trào thi đua tại đơn vị nhằm đẩy mạnh tinh thần phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Thực hiện tốt công tác tham mưu với Phòng Nội vụ-Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh về xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức vào đầu năm học và động viên văn thư tham gia xét tuyển theo quy định; xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí học tập cho nhân viên (bảo vệ) tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường được cơ cấu theo quy định Điều lệ trường mầm non. 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo và được đánh giá Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định. Nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công.

Điểm yếu cơ bản:

Trường có 02 cán bộ quản lý (02/02 người sở trường công tác đều là quản lý bán trú) do đó công tác quản lý giáo dục còn gặp nhiều khó khăn.

Trường chưa đạt tỷ lệ 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và 30% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt theo quy định.

Trường có 02 nhân viên bảo vệ chưa qua các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ. Nhân viên văn thư hợp đồng chưa tham gia xét tuyển viên chức.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất trong trường mầm non là điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Đầu tư cơ sở vật chất chính là tạo môi trường thuận lợi cho trẻ tích cực hoạt động đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Chính vì vậy, song song với việc nâng cao chất lượng đội ngũ, Trường Mầm non 28 đã từng bước bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có tổng diện tích đất sử dụng là $1192,9\text{m}^2$ (Điểm 01: $632,2\text{m}^2$; Điểm 02: $560,7\text{m}^2$). Diện tích đất bình quân tối thiểu cho 01 trẻ đạt $12,82\text{m}^2$ ($1192,9\text{m}^2/93$ trẻ) theo quy định Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Trường có cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường rào được xây dựng kiên cố bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện, trang trí đẹp và an toàn cho trẻ [H3-3.1-02].

c) Sân chơi của trường có tổng diện tích là $628,07\text{m}^2$ (Điểm 01: $181,84\text{m}^2$; Điểm 02: $446,23\text{m}^2$) được thiết kế các khu vực hoạt động ngoài trời phù hợp với trẻ mầm non. Hiên chơi hành lang của các lớp với diện tích $45,86\text{m}^2$ có mái che cho trẻ khi hoạt động. Sân trường có cây cảnh, cây bóng mát, cây hoa gần gũi với trẻ; khu vực cho trẻ chơi vận động được bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường và đảm bảo an toàn cho trẻ khi sử dụng. Cây xanh được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên, tạo bóng mát cho trẻ vui chơi, học tập [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Diện tích công trình xây dựng là $507,93\text{m}^2/1192,9\text{m}^2$ (Điểm 01: $393,46\text{m}^2$; Điểm 02: $114,47\text{m}^2$) đạt tỷ lệ 42,58% lớn hơn 40% chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi, bãi tập) là $628,07\text{m}^2/1192,9\text{m}^2$ (Điểm 01: $181,84\text{m}^2$; Điểm 02: $446,23\text{m}^2$) đạt tỷ lệ 52,65% không nhỏ hơn 40% đảm bảo theo Tiêu chuẩn quy định [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên nhà trường có tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được nhân viên chăm sóc, cắt tỉa; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

c) Sân chơi ngoài trời của trẻ được bố trí, trang bị đồ chơi theo quy định như: Đồ chơi liên hoàn, thang leo, thang thẳng bằng, có khu vực chơi các trò chơi vận động. Khu vực trẻ chơi được lát xi măng, khu vực vận động được trải thảm cỏ nhân tạo, thảm mousse và có hàng rào chắn bao quanh sân trường an toàn ngăn cách với ao, hồ [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Nhà trường có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế. Tuy nhiên, các thiết bị phục vụ cho hoạt động phát triển thể chất của trẻ chưa đa dạng [H1-1.6-06]; [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường được xây dựng kiên cố, có biển tên trường, khuôn viên được bao quanh bằng tường rào chắc chắn. Diện tích đất so với số trẻ đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Diện tích sân chơi không nhỏ hơn 40% theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Sân chơi thoáng mát, có cây xanh được chăm sóc thường xuyên phù hợp cho trẻ vận động ngoài trời phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện và đảm bảo an toàn cho trẻ trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Diện tích công trình xây dựng là 507,93m²/1192,9m² (Điểm 01: 393,46m²; Điểm 02: 114,47m²) đạt tỷ lệ 42,58% lớn hơn 40% chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Thiết bị phục vụ cho hoạt động phát triển thể chất của trẻ chưa đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác đảm bảo môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ. Hằng năm, hiệu trưởng chỉ đạo kế toán thực hiện rà soát cơ sở vật chất, lập dự toán, cân đối ngân sách và trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để từng bước xây dựng kế

hoạch bổ sung đa dạng các thiết bị phục vụ cho hoạt động phát triển thể chất của trẻ. Thực hiện Chỉ thị 19-CT/TU ngày 19/10/2018 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch vì thành phố sạch và giảm ngập nước”, trường tổ chức cho đội ngũ giáo viên tham gia hội thi làm đồ dùng đồ chơi từ nguyên vật liệu tái chế, thân thiện môi trường nhằm bổ sung đồ chơi ngoài trời cho trẻ vận động nhưng vẫn đảm bảo độ an toàn và bền khi sử dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 05 phòng học được sắp xếp và bố trí cho 05 lớp mẫu giáo [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H3-3.1-01]; [H3-3.2-01].

b) Phòng ngủ được sử dụng chung với phòng sinh hoạt, có rèm cửa sổ giảm ánh sáng, phòng thoáng mát, được trang bị đủ đồ dùng phục vụ giờ ngủ của trẻ như: Nệm, gối, mùng... Nhà trường không có phòng giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật nhưng có phòng đa chức năng cho trẻ sử dụng với diện tích $48,82m^2$ tại điểm 02. Trường đã tận dụng khu vực sân chơi ngoài trời bố trí các đồ chơi vận động tăng cường thể lực nhằm đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01].

c) Nhà trường có đầy đủ hệ thống đèn, quạt được trang bị ở các phòng đảm bảo ánh sáng tự nhiên, phòng thoáng mát. Mỗi lớp đều được trang bị đầy đủ tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi, các học liệu cần thiết cho trẻ hoạt động [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ được sử dụng chung có diện tích $2,62m^2$ ($243,27m^2/93$ trẻ) đạt chuẩn theo quy định. Trường không có phòng giáo dục thể chất và giáo dục nghệ thuật nhưng có phòng đa chức năng cho trẻ sử dụng tại điểm 02 với trang thiết bị được đầu tư tương đối, chưa đa dạng. Trẻ học tại điểm 01 không được sử dụng phòng đa chức năng, tuy nhiên trường đã sắp xếp, bố trí các khu vận động ngoài trời cho trẻ hoạt động phát triển giáo dục thể chất, hướng dẫn giáo viên xây dựng góc chơi tại lớp qua đó phát triển giáo dục nghệ thuật cho trẻ [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01].

b) Tất cả các phòng lớp đều được trang bị tủ, kệ, thùng đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

Mức 3:

Trường không có tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số phòng tương ứng với số lớp theo độ tuổi. Phòng sinh hoạt chung kết hợp phòng ngủ của trẻ đảm bảo yêu cầu về ánh sáng, an toàn và được trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng phục vụ trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Trường không có phòng giáo dục thể chất và phòng giáo dục nghệ thuật nhưng có phòng đa chức năng cho trẻ sử dụng tại điểm 02 với trang thiết bị được đầu tư tương đối, chưa đa dạng. Trẻ học tại điểm 01 không được sử dụng phòng đa chức năng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch tuyển sinh theo quy định Điều lệ trường mầm non và thực hiện duy trì số phòng lớp theo từng độ tuổi. Phân công phó hiệu trưởng xây dựng lịch hoạt động ngoài trời tại điểm 01; lịch hoạt động tại phòng đa chức năng ở điểm 02; hướng dẫn giáo viên xây dựng góc chơi qua đó phát triển giáo dục nghệ thuật cho trẻ; cùng phối hợp với kế toán tham mưu về tài chính cho Hiệu trưởng trong việc tăng cường bổ sung đa dạng trang thiết bị hoạt động tại phòng đa chức năng và các khu vực tăng cường vận động cho trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;*
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 28 nằm trong khu quy hoạch Bình Quới-Thanh Đa do đó nhà trường không được xây mới hoặc cải tạo nâng tầng để mở thêm phòng, lớp theo quy định Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDDT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Tuy nhiên, nhà trường vẫn bố trí đầy đủ các loại phòng như: Văn phòng được sử dụng vừa là phòng hiệu trưởng; phòng hành chính quản trị; góc y tế; khu vực làm việc của phó hiệu trưởng, phòng bảo vệ và phòng nghỉ nhân viên; khu vực vệ sinh và nơi để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.3-01].

b) Các phòng được trang bị đầy đủ các bảng biểu, bàn ghế, máy vi tính, máy in, máy photo, tủ hồ sơ, hệ thống phát thanh học đường. Góc y tế có đầy đủ các thiết bị y tế và đồ dùng tối thiểu phục vụ cho công tác chăm sóc khỏe trẻ như: cân điện tử, thước đo, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe trẻ và phác đồ sơ cấp cứu, các loại sổ sách theo dõi sức khỏe trẻ theo yêu cầu. Phòng bảo vệ được bố trí đầy đủ bàn ghế, sổ trực, đồng hồ, quạt, bình chữa cháy... Phòng nghỉ nhân viên được bố trí quạt, tủ đựng đồ dùng cá nhân. Nhà vệ sinh có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ nhu cầu tối thiểu cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng [H1-1.6-05]; [H3-3.3-01].

c) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, có mái che, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có đầy đủ khối phòng hành chính-quản trị nhưng chưa đảm bảo diện tích theo quy định, cụ thể: Văn phòng trường có diện tích $41,48\text{m}^2$ (trong đó, phòng hiệu trưởng diện tích $6,4\text{m}^2$, góc y tế diện tích $5,4\text{m}^2$; khu vực làm việc của kế toán, nhân viên kiêm văn thư, thủ quỹ diện tích $29,68\text{m}^2$); Phòng làm việc của bảo vệ diện tích $1,95\text{m}^2$; Phòng nghỉ nhân viên diện tích $6,24\text{m}^2$; Phòng làm việc của phó hiệu trưởng được bố trí tại phòng đa chức năng ở điểm 02 [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, có mái che, thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3.3-01].

Mức 3:

Nhà trường đầy đủ các phòng nhưng không đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non: Phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng nghỉ nhân viên, khu vệ sinh và khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

2. Điểm mạnh

Trường trang bị đầy đủ các phương tiện, đồ dùng phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong công tác.

3. Điểm yếu

Diện tích của các loại phòng như: Văn phòng được sử dụng vừa là phòng hiệu trưởng; phòng hành chính quản trị; góc y tế; khu vực làm việc của phó hiệu trưởng, phòng bảo vệ và phòng nghỉ nhân viên chưa đạt theo quy định Điều lệ trường mầm non và chưa đảm bảo quy cách theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì các loại phòng theo quy định; có kế hoạch tham mưu với Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung để đủ các loại phòng theo quy định. Thường xuyên kiểm tra môi trường cơ sở vật chất, kịp thời loại bỏ các trang thiết bị hư hỏng nhằm tạo môi trường làm việc thông thoáng, ngăn nắp và sạch sẽ. Tích cực phát động các phong trào thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng và bảo quản tốt các phương tiện làm việc; sửa chữa, trang bị và bổ sung kịp thời trang thiết bị nhằm giảm cường độ làm việc cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Bếp ăn của nhà trường được xây dựng kiên cố theo quy định Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

b) Trường chỉ có tủ đựng sữa được đảm bảo các quy định an toàn về vệ sinh thực phẩm; không có kho thực phẩm vì thực phẩm của trẻ được sử dụng hết trong ngày [H1-1.6-03]; [H3-3.1-02].

c) Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng lưu mẫu theo quy định như: Tủ lạnh, hộp đựng mẫu lưu bằng inox, nhiệt kế; thực hiện lưu mẫu thức ăn được bảo quản riêng biệt với các thực phẩm khác, nhiệt độ bảo quản mẫu thức ăn lưu từ 2°C đến 8°C theo quy định của Bộ Y tế [H1-1.6-05]; [H3-3.4-01].

Mức 2:

Bếp ăn có diện tích 0,71m²/trẻ (66,43m²/93 trẻ) đảm bảo theo quy định tại Điều 29, Điều lệ trường mầm non. Bếp ăn gồm có khu sơ chế, khu chế biến, nấu ăn, chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo quy định bếp một chiều với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường; dụng cụ chế biến thực phẩm bằng inox đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm; có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm; đủ nước sử dụng đảm bảo cho việc nấu ăn và sinh hoạt hằng ngày của trẻ, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định; có cửa lưới và đèn bắt côn trùng; các chất thải được xử lý đúng quy định; đảm bảo tốt yêu cầu phòng chống cháy nổ. Trường đón Ban Quản lý an toàn thực phẩm thành phố

“Kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm” đánh giá tốt [H1-1.6-05]; [H1-1.8-02]; [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02].

Mức 3:

Bếp ăn theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non: Đủ ánh sáng; tường, trần nhà và sàn nhà bằng phẳng; không có các khe rãnh, góc cạnh, gờ dễ bám bụi, chất bẩn, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng; bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện được làm bằng chất liệu inox dễ cọ rửa. Có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Dụng cụ đựng thức ăn và sử dụng để ăn uống được làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh và không gây yếu tố độc hại. Có dụng cụ để bảo quản thực phẩm. Có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà bông sát khuẩn. Có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn dư; thùng đựng rác bằng nhựa, có bao đựng và nắp đậy thuận tiện cho việc làm vệ sinh. Cửa chính của bếp ăn đối diện tuyến đường Bình Quới, trường đã trang bị thêm màn che chắn côn trùng và bụi bẩn vào bếp nên không gian bếp còn nóng khi thực hiện chế biến thức ăn cho trẻ [H1-1.6-05]; [H1-1.8-02]; [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn được xây dựng kiên cố và tổ chức theo quy trình bếp một chiều. Trường trang bị đầy đủ các đồ dùng, trang thiết bị và thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

3. Điểm yếu

Cửa chính của bếp ăn đối diện tuyến đường Bình Quới do đó trường trang bị thêm màn che chắn côn trùng và bụi bẩn vào bếp nên không gian bếp còn nóng khi thực hiện chế biến thức ăn cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo tổ nấu ăn duy trì thực hiện đúng quy trình bếp một chiều, lưu mẫu thức ăn theo quy định. Định kỳ hằng năm, hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập tổ tự kiểm tra thực phẩm, phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ được giao góp phần nâng cao công tác đảm bảo an toàn

thực phẩm trong trường học. Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (những cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp có liên quan đến thực phẩm) tham gia các lớp kiểm tra kiến thức an toàn thực phẩm và được cấp giấy chứng nhận theo quy định. Thực hiện trang bị bổ sung quạt hút để tạo không khí thoáng mát tại khu vực bếp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

- a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;
- b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục đồ dùng-đồ chơi-thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non như: Tivi, đàn organ, bàn, ghế, mô hình răng, bàn chải đánh răng trẻ em,

vòng thể dục, gây thể dục, công chui, bóng các loại, đất nặn, bút sáp, tủ đựng nệm gối, kệ để đồ chơi và học liệu, búp bê... [H1-1.6-05].

b) Trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm, đồ chơi ngoài danh mục quy định. Giáo viên có sử dụng các nguyên vật liệu thải bỏ để làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ hoạt động học tập, vui chơi của trẻ trên nguyên tắc đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với từng lứa tuổi, nhằm phát huy tính sáng tạo ở trẻ [H1-1.6-06].

c) Định kỳ 03 lần/năm học hoặc đột xuất, nhà trường tiến hành kiểm kê, sửa chữa các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để đảm bảo an toàn cho trẻ trong khi sử dụng [H1-1.6-02]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học như: Cổng thông tin điện tử; phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức; phần mềm cơ sở dữ liệu; phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm tính khẩu phần dinh dưỡng và chương trình Mindjet MindManager... Do diện tích các lớp còn hạn chế nên trường đã trang bị máy vi tính xách tay (laptop) cho các lớp để thực hiện kết nối mạng nội bộ thay bộ máy vi tính bàn [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08].

b) Nhà trường có các thiết bị dạy học theo quy định cụ thể: Bàn, ghế của trẻ đúng quy cách và đủ cho số trẻ trong lớp; có tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu; hệ thống đèn, quạt... [H3-3.1-03].

c) Hằng năm, nhà trường có bổ sung thêm các thiết bị dạy học ngoài danh mục tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non theo quy định. Các thiết bị dạy học do giáo viên tự làm phù hợp với từng lứa tuổi và mục tiêu Chương trình giáo dục mầm non [H3-3.5-01].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được giáo viên khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục

trẻ. Tuy nhiên, đồ chơi của giáo viên tự làm chưa đa dạng và chưa có độ bền cao [H3-3.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Đồ chơi ngoài danh mục quy định và đồ chơi tự làm đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ, được giáo viên khai thác, sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Đồ chơi của giáo viên tự làm chưa đa dạng và chưa có độ bền cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch và cân đối các nguồn quỹ để đầu tư trang bị máy vi tính, đồ dùng, đồ chơi theo quy định nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ. Chỉ đạo phó hiệu trưởng tiếp tục hướng dẫn giáo viên làm đồ chơi sáng tạo phong phú, đa dạng bằng các loại nguyên vật liệu mở và chú ý đến độ bền để phục vụ tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khô ráo, thoáng mát đảm bảo không ô nhiễm môi trường, thuận lợi cho việc sử dụng. Trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.5-01]; [H3-3.3-01].

b) Hệ thống thoát nước, cống rãnh luôn thông thoáng đảm bảo vệ sinh môi trường; nguồn nước uống, nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ đảm bảo đủ, an toàn khi sử dụng. Trường đã hợp đồng với Công ty trách nhiệm hữu hạn môi trường An Khang Phúc thông cống, nạo vét hố gas. Trường sử dụng nước sinh hoạt thủy cục của Công ty cấp nước Gia Định trong sinh hoạt và chế biến thực phẩm. Định kỳ mỗi năm, trường tiến hành xét nghiệm mẫu nước theo quy định [H1-1.10-01]; [H3-3.6-01].

c) Nhà trường thực hiện thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định với các trang thiết bị như: Thùng rác có nắp đậy và bao đựng; rác được phân loại, thu gom và xử lý trong ngày. Khu vực tập trung rác được bố trí ở khu vực thuận tiện cho việc làm vệ sinh và xa nhà bếp. Trường xây dựng kế hoạch phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường 28 hỗ trợ thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại; hợp đồng với nhà thầu rác tư nhân do địa phương Phường 28 quản lý thực hiện thu gom rác sinh hoạt mỗi ngày nhằm đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-01].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ được xây riêng cho từng lớp, có chỗ riêng cho trẻ trai, trẻ gái với các thiết bị như: Xà phòng, vòi nước rửa tay; có bồn tiểu, bồn cầu; bề mặt vệ sinh cho trẻ bằng chất liệu inox, có quạt thông gió... Mỗi điểm đều có khu vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định. Tuy nhiên, phòng vệ sinh cho trẻ có diện tích $0,56\text{m}^2/\text{trẻ}$ ($52,57\text{m}^2/93$ trẻ) chưa đạt theo quy định Điều lệ trường

mầm non; chưa bố trí được khu vệ sinh nam và nữ riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.3-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế: Nhà trường sử dụng nguồn nước của công ty cấp nước Gia Định đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01]; [H3-3.6-01].

2. Điểm mạnh

Khu vực vệ sinh cho trẻ có đầy đủ các thiết bị đồ dùng. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác hằng ngày không gây ô nhiễm môi trường.

3. Điểm yếu

Phòng vệ sinh cho trẻ có diện tích $0,56\text{m}^2/\text{trẻ}$ ($52,57\text{m}^2/93$ trẻ) chưa đạt theo quy định Điều lệ trường mầm non; chưa bố trí được khu vệ sinh nam và nữ riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục thực hiện kế hoạch duy tu, bảo quản, sửa chữa và thay mới bổ sung các thiết bị đồ dùng khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ; đảm bảo nguồn nước sạch và xử lý rác thải theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường được xây dựng kiên cố; có biển tên trường, khuôn viên được bao quanh bằng tường rào chắc chắn; Số phòng tương ứng với số lớp theo độ tuổi. Bếp ăn được tổ chức theo quy trình bếp một chiều, thức ăn được lưu mẫu theo quy định. Lớp học được trang bị đồ dùng, đồ chơi theo quy định. Nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Thực hiện tốt việc thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại và chất thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường.

Điểm yếu cơ bản:

Diện tích công trình xây dựng là $507,93\text{m}^2$ (Điểm 01: $393,46\text{m}^2$; Điểm 02: $114,47\text{m}^2$) đạt tỷ lệ 42,58% ($507,93\text{m}^2 \times 100/1192,9 \text{ m}^2$) lớn hơn 40% chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Thiết bị phục vụ cho hoạt động phát triển thể chất của trẻ chưa đa dạng.

Trường không có phòng giáo dục thể chất và phòng giáo dục nghệ thuật nhưng có phòng đa chức năng cho trẻ sử dụng tại điểm 02 với trang thiết bị được đầu tư tương đối, chưa đa dạng. Trẻ học tại điểm 01 không được sử dụng phòng đa chức năng.

Diện tích của các loại phòng như: Văn phòng được sử dụng vừa là phòng hiệu trưởng; phòng hành chính quản trị; góc y tế; khu vực làm việc của phó hiệu trưởng, phòng bảo vệ và phòng nghỉ nhân viên chưa đạt theo quy định Điều lệ trường mầm non và chưa đảm bảo quy cách theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

Cửa chính của bếp ăn đối diện tuyến đường Bình Quới do đó trường trang bị cửa lưới có màng che chắn côn trùng và bụi bẩn vào bếp nên không gian bếp còn nóng khi thực hiện chế biến thức ăn cho trẻ.

Đồ chơi của giáo viên tự làm chưa đa dạng và chưa có độ bền cao.

Phòng vệ sinh cho trẻ có diện tích $0,56\text{m}^2/\text{trẻ}$ ($52,57\text{m}^2/93 \text{ trẻ}$) chưa đạt theo quy định Điều lệ trường mầm non; chưa bố trí được khu vệ sinh nam và nữ riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Nhà trường, gia đình và xã hội là ba nhân tố quan trọng trong việc giáo dục, truyền đạt kiến thức cho trẻ. Gia đình là nơi trẻ luôn được yêu thương. Xã hội là môi trường thực tế, giúp trẻ hoàn thiện một số kỹ năng trong cuộc sống. Xác định được tầm quan trọng của các mối quan hệ, Trường Mầm non 28 không ngừng chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ và các ban ngành đoàn thể trong các hoạt động góp phần tạo môi trường giáo dục tốt nhất nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thông qua họp cha mẹ trẻ vào đầu năm học, các lớp đã bầu ra Ban đại diện cha mẹ trẻ lớp với 03 thành viên trong đó có 01 trưởng ban và 01 phó ban. Từ kết quả họp cha mẹ trẻ của các lớp, Trường Mầm non 28 đã tiến hành tổ chức đại hội, bầu ra Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 01 năm và được hiệu trưởng ra quyết định công nhận. Ban đại diện cha mẹ trẻ hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ trẻ thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và ban hành nghị quyết hoạt động theo từng năm học [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đảm bảo đúng tiến độ; định kỳ tổ chức họp 03 lần/năm học để đề ra kế hoạch, sơ kết, tổng kết các hoạt động giáo dục có nội dung liên quan hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra trong năm [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ thường xuyên phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Thường xuyên hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ. Tham dự buổi tập huấn về giáo dục giới tính cho trẻ 3-5 tuổi do Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận tổ chức và đăng ký cho học sinh tham gia (nếu có nhu cầu) nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ và giáo dục học sinh. Chấp hành nội quy trường học: Không hút thuốc lá; không uống rượu, bia; trang phục gọn gàng, lịch sự khi vào trường; đồng thuận “Trẻ bệnh hoặc nghi ngờ sẽ mắc bệnh” cha mẹ không đưa trẻ đến trường; không đậu xe dưới lòng đường đảm bảo trật tự an toàn giao thông trước cổng trường; vận động cha mẹ học sinh nhà gần trường tham gia đưa đón học sinh đi bộ đến trường để giảm ùn tắc giao thông. Tuy nhiên, công tác hướng dẫn, tuyên truyền của Ban đại diện cha mẹ trẻ chưa đạt hiệu quả cao do còn khoảng 05/93 cha mẹ trẻ, tỷ lệ 5,38% chưa để xe đúng nơi quy định, gây cản trở giao thông giờ đón, trả trẻ [H1-1.2-05]; [H4-4.1-01].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh: Phối hợp chặt chẽ với nhà trường tổ chức thực hiện và tham dự các hoạt động theo kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục như: Hoạt động ngoại khóa, tham quan, lễ hội, vui chơi của trẻ, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm trong nhà trường. Phối hợp với giáo viên trong việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, khuyến khích trẻ đi học đầy đủ, đúng giờ. Tuy nhiên, phụ huynh đa phần là dân nhập cư từ nơi khác về địa phương Phường 28 nên điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn do đó nhà trường không thực hiện vận động tài trợ về tài chính và cơ sở vật chất chỉ thực hiện theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về thuê nhân viên nuôi dưỡng hỗ trợ vệ sinh lớp và nguyên vật liệu mở cho giáo viên để tổ chức các hoạt động giáo dục [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ và hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Công tác hướng dẫn, tuyên truyền của Ban đại diện cha mẹ trẻ chưa đạt hiệu quả cao do còn khoảng 05/93 cha mẹ trẻ, tỷ lệ 5,38% chưa để xe đúng nơi quy định, gây cản trở giao thông giờ đón, trả trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022, Ban đại diện cha mẹ trẻ tăng cường phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền cha mẹ trẻ các lớp đưa đón trẻ đậu xe đúng nơi quy định. Thường xuyên sưu tầm tờ rơi về an toàn giao thông gửi đến cha mẹ trẻ các lớp. Động viên cha mẹ trẻ cùng tham dự hội thi “Bé vui học giao thông” do nhà trường tổ chức.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường thường xuyên tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch giáo dục của nhà trường với một số nội dung như: Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục từng năm học; công tác huy động trẻ trong độ tuổi mầm non ra lớp; công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và hỗ trợ trong công tác đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường [H1-1.2-05]; [H1-1.5-02]; [H1-1.9-03]; [H4-4.2-01].

b) Nhà trường có các biện pháp và hình thức để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường: Thông qua các cuộc họp của cha mẹ trẻ của lớp, bản tin tuyên truyền của trường, lớp, sổ bé ngoan hằng tháng, trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ trẻ giờ đón, trả trẻ [H4-4.1-01]; [H4-4.2-01].

c) Trường đã huy động được sự quan tâm đóng góp nhiệt tình của địa phương, cha mẹ trẻ trong các hoạt động cũng như các nguyên vật liệu mở (tái chế) cho trẻ sử dụng... [H1-1.2-05]; [H4-4.1-01].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền tạo điều kiện cho việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01]; [H1-1.3-05]; [H1-1.5-02]; [H1-1.9-03]; [H4-4.2-01].

b) Nhà trường phối hợp với Đoàn Phường, Ban Chỉ huy quân sự Phường 28 và các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường; Bé vui Trung thu; Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11; Bé vui Noel; Bé vui đón xuân; Tổng kết và khen thưởng năm học... [H1-1.2-05]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Trường thực hiện có hiệu quả công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương do hạn chế về điều kiện cơ sở vật chất [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương để thực hiện mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch.

3. Điểm yếu

Trường thực hiện có hiệu quả công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương do hạn chế về điều kiện cơ sở vật chất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2021-2022, nhà trường tiếp tục phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Hiệu trưởng cần tích cực đề xuất, tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân góp phần xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ và hoạt động đúng theo Điều lệ. Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội để thực hiện mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục.

Điểm yếu cơ bản:

Góc tuyên truyền ở một số lớp có nội dung chưa phong phú nên còn hạn chế trong việc thu hút sự chú ý, quan tâm của cha mẹ học sinh.

Trường thực hiện có hiệu quả công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương do hạn chế về điều kiện cơ sở vật chất.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường là nền tảng cho các bậc học tiếp theo. Chính vì vậy, việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non là nhiệm vụ hàng đầu và là yếu tố đầu tiên để hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước*

trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có tổ chức thực hiện kế hoạch theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; riêng học sinh khối Lá (5-6 tuổi) có sử dụng Bộ Chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi trong việc lập kế hoạch theo chương trình Mindjet Mindmanager phù hợp từng độ tuổi và khả năng của trẻ [H1-1.2-05]; [H1-1.4-05]; [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, với điều kiện thực tế nhà trường thông qua các tiết thao giảng chuyên đề trọng tâm của từng năm học; phiếu dự giờ hằng tháng; các buổi sinh hoạt chuyên môn trường, tổ [H1-1.2-05]; [H1-1.4-05]; [H1-1.8-01]; [H5-5.1-02].

c) Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non thông qua kiểm tra kế hoạch giáo viên; dự giờ đột xuất và báo trước để đánh giá rút kinh nghiệm nhằm giúp giáo viên điều chỉnh kịp thời trong việc thực hiện. Hằng tháng, tổ chức họp chuyên môn, đánh giá, rút kinh nghiệm để có hướng bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên, nhân viên nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.8-03]; [H1-1.7-03].

Mức 2:

a) 09/09 giáo viên, tỷ lệ 100% tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đúng theo kế hoạch giáo dục. Trường có 02/09 giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác nên khả năng sáng tạo, xây dựng và đảm bảo chất lượng giáo dục còn hạn chế [H1-1.2-05]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-03].

b) Nhà trường có bồi dưỡng, hướng dẫn giáo viên biết lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục nhằm phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.2-05]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-03].

Mức 3:

a) Nhà trường xây dựng Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, áp dụng hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương. Trường có thực hiện tham khảo Chương trình giáo dục mầm non của các nước trên thế giới thông qua các website trên mạng internet để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại trường nhưng chưa được thường xuyên và hiệu quả [H1-1.2-05]; [H1-1.7-03].

b) Hằng năm, nhà trường có thực hiện tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, từ đó có biện pháp để điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua báo cáo hằng tháng và triển khai trong các buổi họp [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá theo định kỳ và có biện pháp điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương nhằm giúp giáo viên, nhân viên thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Trường có 02/09 giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác nên khả năng sáng tạo, xây dựng và đảm bảo chất lượng giáo dục còn hạn chế. Việc tham khảo Chương trình giáo dục mầm non của các nước trên thế giới, nhà trường thực hiện chưa được thường xuyên và hiệu quả, hình thức tham khảo chỉ thực hiện thông qua các website trên mạng internet để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non và tích cực tự tham khảo tài liệu, tham gia các buổi bồi dưỡng chuyên môn về chương trình giáo dục của các nước trên thế giới do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh tổ chức. Chỉ đạo phó hiệu trưởng hướng dẫn, gợi ý giáo viên biết lựa chọn nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động nhận thức nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của trẻ, tăng cường tư vấn, chia sẻ, hướng dẫn cho giáo viên tham khảo các đường link, website trên mạng Internet để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) 09/09 giáo viên, tỷ lệ 100% thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động trong ngày cho trẻ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và khả năng của trẻ, điều kiện nhà trường [H1-1.2-05]; [H1-1.8-01].

b) 09/09 giáo viên, tỷ lệ 100% biết xây dựng môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm đảm bảo an toàn, thuận tiện cho trẻ sử dụng [H1-1.2-05]; [H1-1.8-03].

c) Trường tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế như: Tổ chức các hoạt động lễ hội: Ngày hội đón trẻ mầm non đến trường; Bé vui Trung thu; Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11; Bé vui Noel; Bé vui đón xuân; Hội thi vui học giao thông; Lễ tri ân và trưởng thành học sinh lớp Lá; Lễ tổng kết và khen thưởng năm học... do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên trường không tổ chức các hoạt động cho trẻ tham quan, ngoại khoá [H1-1.2-05]; [H5-5.1-02]; [H5-5.2-01].

Mức 2:

10/10 giáo viên, tỷ lệ 100% biết tổ chức các hoạt động cho trẻ được thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.2-05]; [H1-1.8-03].

Mức 3:

08/09 giáo viên, tỷ lệ 88,89% biết tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Tuy nhiên, 01/09 giáo viên, tỷ lệ 11,11% còn hạn chế khi xây dựng môi trường kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm [H1-1.2-05]; [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động và xây dựng môi trường giáo dục theo hướng phát triển tính chủ động, sáng tạo của trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế.

3. Điểm yếu

01/09 giáo viên, tỷ lệ 11,11% thực hiện xây dựng môi trường kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2022 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý hướng dẫn giáo viên còn hạn chế trong việc xây dựng môi trường kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm. Trong những năm học tiếp theo, tiếp tục chỉ đạo giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động, xây dựng môi trường giáo dục theo hướng phát triển tính chủ động, sáng tạo của trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế. Cán bộ quản lý duy trì thường xuyên tham dự các buổi họp của tổ chuyên môn để giúp đỡ, bồi dưỡng giáo viên kịp thời xây dựng môi trường nhằm kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm, tận dụng sản phẩm của trẻ để làm phương tiện dạy học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

- a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*
- b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*
- c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 2:

- a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*
- b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*
- c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 3:

- Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế quận Bình Thạnh và Trạm y tế Phường 28 trong việc tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ: 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, uống vacxin và thực hiện lịch tiêm chủng mở rộng theo quy định của Bộ Y tế [H5-5.3-01].

b) 100% trẻ theo học tại trường được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-01].

c) Nhà trường có nhiều biện pháp tích cực nhằm giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, 100% trẻ được can thiệp bằng các biện pháp như: Tăng cường thêm bữa phụ (phô mai, sữa), xây dựng thực đơn giàu dinh dưỡng, tổ chức các hoạt động cho trẻ tắm nắng hằng ngày. Ngoài ra, trường có nhiều biện pháp hạn chế tốc độ tăng cân và bảo đảm sức khỏe cho trẻ béo phì như: Tăng cường cho trẻ vận động vào giờ thể dục sáng, hoạt động giữa giờ, thực hiện cho trẻ ăn thêm rau, giảm tinh bột; tuyên truyền với cha mẹ cho trẻ uống sữa ít béo, ăn trái cây, giảm ăn nhiều vào chiều tối, kết quả triển khai các biện pháp can thiệp nhằm cải thiện sức khỏe cho trẻ đến cuối năm học [H5-5.1-02], cụ thể như sau:

Nội dung	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Trẻ suy dinh dưỡng	03/05 trẻ (60%)	04/05 trẻ (80%)	04/05 trẻ (80%)	01/02 trẻ (50%)	03/03 trẻ (100%)
Nội dung	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Trẻ thừa cân, béo phì	04/21 trẻ (19,05%)	03/28 trẻ (12%)	05/33 trẻ (15,15%)	08/37 trẻ (21,6%)	02/33 trẻ (6,06%)

Tính đến thời điểm tự đánh giá là tháng 02/2022, tổng số trẻ suy dinh dưỡng là 01/93 trẻ, tỷ lệ 1,08%; 17/93 trẻ, tỷ lệ 18,28% trẻ thừa cân, béo phì [H5-5.1-02]; [H5-5.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ thông qua buổi họp cha mẹ trẻ (03 lần/năm học); giáo viên trao đổi về tình hình sức khỏe của trẻ trong ngày vào giờ đón, trả trẻ, bản tin, sổ bé ngoan về các nội dung như: An toàn thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, sởi, rubella, covid-19... [H1-1.10-04]; [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [H5-5.3-01].

b) Nhà trường có xây dựng thực đơn, chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định [H3-3.4-01]; [H5-5.1-02], cụ thể:

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 01 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 60% nhu cầu cả ngày: 615 -726 Kcal. Số bữa ăn tại trường: Một bữa chính và hai bữa phụ (sáng và xế). Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 14% năng lượng khẩu phần; Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 26% năng lượng khẩu phần; Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 60% năng lượng khẩu phần; Nước uống: khoảng 1,6-2,0 lít/trẻ em/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

c) Trong 05 năm liên tục và tính đến thời điểm tự đánh giá, 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Tuy nhiên, tình trạng dinh dưỡng của trẻ thừa cân, béo phì chưa được cải thiện so với đầu năm học [H5-5.1-02]; [H5-5.3-01].

Mức 3:

Nhà trường có 75/93 trẻ, tỷ lệ 80,65% khỏe mạnh, có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường, chưa đạt 95% theo quy định [H5-5.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp tốt với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ. 100% trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Có xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối,

đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định và có các biện pháp trong việc giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.

3. Điểm yếu

Tình trạng dinh dưỡng của trẻ thừa cân, béo phì chưa được cải thiện so với đầu năm học. Nhà trường có 75/93 trẻ, tỷ lệ 80,65% khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường chưa đạt 95% theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ. Thực hiện tốt việc theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. Xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định; chỉ đạo giáo viên sưu tầm thêm các bài tập, trò chơi tổ chức cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì vận động, tăng cường tầm năng để duy trì và bảo vệ sức khỏe. Tuyên truyền, phối hợp tốt cùng cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc trẻ tại nhà với những thực đơn chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì và các bài tập vận động qua bản tin của trường, lớp nhằm nâng cao tỷ lệ trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong 05 năm liên tục, tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt tỷ lệ 90%; trẻ dưới 5 tuổi đạt tỷ lệ 85% theo quy định [H1-1.5-01], cụ thể:

Lứa tuổi	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Trẻ 25-36 tháng	86,7%				
Trẻ 3-4 tuổi	85,3%	85,7%	86,5%	86,5%	88%
Trẻ 4-5 tuổi	87,5%	85,1%	85%	85%	89,5%
Trẻ 5-6 tuổi	90%	90,7%	91,8%	91,8%	90%

b) Năm học 2016-2017 đến nay, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non luôn đạt tỷ lệ từ 90% trở lên [H1-1.2-05]; [H4-4.2-02].

Lứa tuổi	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Trẻ 5-6 tuổi	50/50, đạt 100%	68/75, đạt 90,7%	55/61, đạt 90,2%	66/66/67 (01 nghỉ không rút	57/57, đạt 100%

				hồ sơ), đạt 100%	
--	--	--	--	---------------------	--

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập. Trường có thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ tiền ăn đối với trẻ thuộc diện hộ cận nghèo có mã số theo quy định [H5-5.4-01].

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi chưa đạt 95%, trẻ dưới 5 tuổi chưa đạt 90% theo quy định [H1-1.5-01].

b) Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non luôn đạt bình quân từ 95% trở lên [H4-4.2-02].

c) Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-05]; [H1-1.5-01].

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non chưa đạt tỷ lệ 97% theo quy định [H1-1.2-05]; [H1-1.5-01].

b) Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-05]; [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ trẻ chuyên cần đạt 90% đối với trẻ 5 tuổi; 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ từ 95% trở lên.

3. Điểm yếu

Trường còn 5% tỷ lệ trẻ 5 tuổi chưa đạt chuyên cần; 10% tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi chưa đạt chuyên cần và 10% tỷ lệ trẻ 5 tuổi chưa hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, hiệu trưởng tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương trong việc huy động trẻ 5 tuổi trên địa bàn ra lớp, quan tâm thực hiện đầy đủ các chính sách nhằm duy trì tỷ lệ chuyên cần cho trẻ tại trường, thực hiện tốt công tác tuyên truyền phối hợp với phụ huynh học sinh cho trẻ đến trường, đảm bảo 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên phối hợp với phụ huynh động viên, khuyến khích trẻ đi học đều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. 100% trẻ được theo dõi sức khỏe qua sổ theo quy định. Trẻ 5 tuổi đạt tỷ lệ chuyên cần 90% và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 95% trở lên. Phối hợp tốt với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Trường có 02/09 giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác nên khả năng sáng tạo, xây dựng và đảm bảo chất lượng giáo dục còn hạn chế. Việc tham khảo Chương trình giáo dục mầm non của các nước trên thế giới, nhà trường thực hiện chưa được thường xuyên và hiệu quả, hình thức tham khảo chỉ thực hiện thông qua các website trên mạng internet để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại trường.

01/09 giáo viên, tỷ lệ 11,11% thực hiện xây dựng môi trường kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm còn hạn chế.

Tình trạng dinh dưỡng của trẻ thừa cân, béo phì chưa được cải thiện so với đầu năm học. Nhà trường có 75/93 trẻ, tỷ lệ 80,64% khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường chưa đạt 95% theo quy định.

Trường còn 5% tỷ lệ trẻ 5 tuổi chưa đạt chuyên cần; 10% tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi chưa đạt chuyên cần và 10% tỷ lệ trẻ 5 tuổi chưa hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non theo quy định.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/04.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với các trường mầm non, Trường Mầm non 28 đăng ký đánh giá ngoài với kết quả tự đánh giá như sau:

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Mức 1:

Số lượng các tiêu chí đạt: 25/25, tỷ lệ: 100%.

Số lượng các tiêu chí không đạt: 0/25, tỷ lệ: 0%.

+ Mức 2:

Số lượng các tiêu chí đạt: 11/25, tỷ lệ: 44%.

Số lượng các tiêu chí không đạt: 14/25, tỷ lệ: 56%.

+ Mức 3:

Số lượng các tiêu chí đạt: 03/19, tỷ lệ: 15,79%.

Số lượng các tiêu chí không đạt: 16/19, tỷ lệ: 84,21%.

- Mức đánh giá của Trường Mầm non 28: Mức 1.

- Trường Mầm non 28 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1./.

Bình Thạnh, ngày 25 tháng 02 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Tô Thanh Thủy

PHẦN IV: PHỤ LỤC**Bảng danh mục mã minh chứng**

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch xây dựng chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2016-2020; 2020-2025 (Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận đã phê duyệt; công thông tin điện tử).	Số 126/KH-MN28 ngày 04/10/2016; Số 126/KH-MN28 ngày 04/10/2020	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ Hội đồng trường.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ Hội đồng thi đua khen thưởng.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng

	4	[H1-1.2-04]	Hồ sơ Hội đồng chấm thi Giáo viên dạy giỏi cấp Trường.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
	5	[H1-1.2-05]	Kế hoạch và báo cáo đánh giá công tác tháng; sơ kết; tổng kết năm học; Sở hợp (Ban giám hiệu; Hội đồng nhà trường).	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn cơ sở Mầm non 28.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Chủ tịch Công đoàn	Tủ hồ sơ Công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn Mầm non 28.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Bí thư Chi đoàn	Tủ hồ sơ Chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Chi hội Khuyến học Mầm non 28.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Chi hội trưởng Hội Khuyến học	Văn phòng
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Chi hội Chữ thập đỏ Mầm non 28.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Chủ tịch Chi hội Chữ thập đỏ	Văn phòng
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ Chi bộ Mầm non 28.	Năm 2014 đến năm 2021	Bí thư Chi bộ; Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ giới thiệu, qui hoạch, bổ nhiệm cán bộ	Giai đoạn 2015-2020; Giai đoạn 2020-2025	Hiệu trưởng	Văn phòng

			quản lý.			
	2	[H1-1.4-02]	Đề án vị trí việc làm.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ công tác tổ chức.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ quản lý nhân sự; Tuyển dụng viên chức.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Tổ trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Hồ sơ quản lý trẻ em (Danh sách học sinh các lớp; Tỷ lệ chuyên cần của trẻ; Sổ điểm danh các lớp; Báo cáo thống kê tình hình giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật).	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Kế toán	Văn phòng
	2	[H1-1.5-02]	Hồ sơ tuyển sinh.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ công văn đi; công văn đến.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Văn thư (kiêm nhiệm)	Văn phòng

	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính (dự toán, chứng từ thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính tài sản); Hồ sơ sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị; Biên bản kiểm tra về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Kế toán	Văn phòng
	3	[H1-1.6-03]	Hồ sơ quản lý bán trú.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Kế toán	Văn phòng
	4	[H1-1.6-04]	Hồ sơ Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Kế toán	Văn phòng
	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ quản lý thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
	6	[H1-1.6-06]	Hồ sơ quản lý thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài trời	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng

			theo quy định.			
	7	[H1-1.6-07]	Phần mềm công nghệ thông tin IMAS trong quản lý tài chính.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Kế toán	Văn phòng
	8	[H1-1.6-08]	Hợp đồng phần mềm tính khẩu phần dinh dưỡng; internet; Kiểm định chất lượng giáo dục.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Kế toán	Văn phòng
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Hồ sơ công tác đào tạo, bồi dưỡng.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H1-1.7-02]	Hồ sơ theo dõi sức khỏe của cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
	3	[H1-1.7-03]	Kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Biên bản sinh hoạt chuyên môn.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Giáo viên	Lớp
	2	[H1-1.8-02]	Biên bản kiểm tra của cấp	Năm học 2016-2017	Hiệu trưởng	Văn phòng

			trên (công tác quản lý; chuyên môn; cơ sở vật chất; tai nạn thương tích; an ninh trật tự; an toàn thực phẩm...).	đến 2020-2021		
	3	[H1-1.8-03]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ; phiếu dự giờ các hoạt động.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ Quy chế dân chủ cơ sở.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ tiếp dân; Hình ảnh hộp thư góp ý và khu vực tiếp dân.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
	3	[H1-1.9-03]	Hồ sơ đảm bảo an ninh trật tự trường học; Sổ trực bảo vệ.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
	4	[H1-1.9-04]	Hồ sơ phòng, chống tai nạn thương tích (Trường học an toàn); Phòng, chống tệ nạn xã hội và bạo	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng

			lực học đường; Hồ sơ trường học đạt chuẩn văn hóa.			
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ an toàn thực phẩm.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ phòng cháy chữa cháy.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
	3	[H1-1.10-03]	Hồ sơ phòng, chống thảm họa thiên tai.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
	4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ phòng, chống dịch bệnh.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; Thông báo của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận về đánh giá xếp loại cán bộ quản lý; Bảng tổng hợp đánh giá trình độ đào tạo và Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng

			Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.			
	2	[H2-2.1-02]	Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Hồ sơ đánh giá công chức, viên chức.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ nhà đất (Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất; Hồ sơ thiết kế xây dựng; Bản vẽ hiện trạng...).	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh các khu vực và các hoạt động trong nhà trường.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Văn thư	Văn phòng
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Sơ đồ các lớp học.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Văn thư	Văn phòng
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Sơ đồ tổng thể và từng khu	Năm học 2016-2017	Văn thư	Văn phòng

			vực của nhà trường.	đến 2020-2021		
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Sổ lưu mẫu thức ăn.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Tổ trưởng tổ nấu ăn	Bếp
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Danh sách thống kê đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục; đồ dùng, đồ chơi giáo viên tự làm.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hồ sơ giáo dục vệ sinh môi trường, nước và vệ sinh cá nhân.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Cha mẹ học sinh.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H4-4.1-02]	Sổ bé ngoan.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Hồ sơ đánh giá trẻ theo Bộ Chuẩn trẻ 5 tuổi.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H5-5.1-02]	Hồ sơ quản lý chuyên môn	Năm học 2016-2017	Phó hiệu trưởng	Văn phòng

			(kế hoạch lễ hội; kế hoạch chuyên đề; phòng, chống trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì; khẩu phần dinh dưỡng).	đến 2020-2021		
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Hồ sơ tổ chức tham quan.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Hồ sơ y tế trường học; quản lý sức khỏe học sinh; sổ tư vấn học đường.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Hồ sơ miễn, giảm học phí.	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Kế toán	Văn phòng